TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CHƯ PƯH** **TỈNH GIA LAI**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 16/2019/DS-ST
Ngày 23-7-2019
V/v tranh chấp hợp đồng dân sự vay tiền

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHƯ PƯH, TỈNH GIA LAI

- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Nguyễn Văn Khương;

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Phạm Văn Nhung và bà Mai Thị Thanh Hằng.

- Thư ký phiên tòa: Bà Đinh Thị Thuỳ - Thư ký Toà án nhân dân huyện Chư Pưh, tỉnh Gia Lai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chư Pưh, tỉnh Gia Lai tham gia phiên toà: ông Nguyễn Bá Hoàn - Kiểm sát viên

Ngày 23 tháng 7 năm 2019 tại Toà án nhân dân huyện Chư Pưh, tỉnh Gia Lai, xét xử sơ thẩm công khai vụ án Dân sự thụ lý số 05/2018/TLST-DS ngày 25 tháng 11 năm 2018 về việc "*Tranh chấp hợp đồng dân sự vay tiền*", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 21/2019/QĐXXST-DS ngày 11 tháng 6 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 14/2019/QĐST-DS ngày 02 tháng 7 năm 2019, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Phan Thị S, sinh năm 1967,

Địa chỉ: thôn H, xã I, huyện Chư Pưh, tỉnh Gia Lai. có mặt

2. Bị đơn: Ông Nguyễn Trí T và bà Lê Thị T

Địa chỉ: Thôn H, TT N, huyện Chư Pưh, tỉnh Gia Lai. Đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai mà vẫn vắng mặt không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Trong đơn khởi kiện và quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn trình bày:

Do quen biết, vào ngày 28/3/2014 bà Sim có cho vợ chồng bà Lê Thị T, trú tại thôn H, TT Nhơn Hòa, huyện Chư Pưh, tỉnh Gia Lai mượn số tiền 39.000.000 đồng (*Ba mươi chín triệu đồng*). Chị Lê Thị T viết giấy mượn tiền, ký nhận tên mình và tên của chồng mình là Nguyễn Trí T, hẹn đến ngày 28/3/2015 sẽ trả hết nợ cho bà S. Đến hẹn trả nợ, bà S đòi nhiều lần nhưng vợ chồng anh T không chịu trả.

Bà S yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Nguyễn Trí T và bà Lê Thị T trả số tiền gốc là: 39.000.000 đồng (*Ba mươi chín triệu đồng*). Không yêu cầu tính lãi suất.

Tòa án đã tống đạt văn bản tố tụng cho bị đơn nhưng bị đơn vắng mặt không có lý do.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án là đúng pháp luật tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án:

- Căn cứ Điều 116, Điều 117, Điều 118, Điều 119, Điều 466 BLDS. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận một phần đơn khởi kiện của nguyên đơn.

Buộc bà Lê Thị T phải trả cho Nguyên đơn số tiền gốc là 39.000.000 đồng. Bác yêu cầu khởi kiện đối với ông Nguyễn Trí T của nguyên đơn.

**** Về án phí***: Căn cứ khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016. Đề nghị HĐXX buộc bị đơn phải chịu án phí DSST.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] **Về thủ tục tố tụng:**

Bà Phan Thị S khởi kiện đề nghị Tòa án giải quyết về tranh chấp hợp đồng dân sự vay tiền; Do đó, đây là tranh chấp về dân sự theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Chư Pưh, tỉnh Gia Lai. Tòa án nhân dân huyện Chư Pưh, tỉnh Gia Lai thụ lý, giải quyết theo thủ tục sơ thẩm là đúng quy định pháp luật.

Ông Nguyễn Trí T và bà Lê Thị T (là bị đơn trong vụ án) đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt ông T, bà T.

[2] **Về nội dung vụ án:**

Vào ngày 28/3/2014, bà Lê Thị T có vay của bà Phan Thị S số tiền 39.000.000 đồng (*Ba mươi chín triệu đồng*) hẹn đến ngày 28/3/2015 trả. Đến hạn trả nợ, bà Sđến nhà bà T đòi nhiều lần nhưng bà T không chịu trả số tiền vay nêu trên.

Hội đồng xét xử xét thấy, giao dịch dân sự về việc vay tiền giữa bà Lê Thị T và bà Phan Thị S là hợp pháp, được pháp luật bảo vệ. Lỗi không thực hiện hợp đồng (trả tiền đúng thời hạn) là hoàn toàn thuộc về bà Lê Thị T. Bà Lê Thị T một mình đứng ra vay tiền của bà S mà không có sự tham gia của ông Nguyễn Trí T. Bà S thừa nhận chữ ký và chữ viết trong giấy vay tiền đề ngày 28/3/2014 là của bà T ký, viết. Vì vậy, Hội đồng xét xử xét chấp nhận một phần nội dung khởi kiện của bà S. Căn cứ khoản 1 Điều 275; Điều 278; Điều 280; Điều 364; Điều 463; Điều 466 Bộ luật dân sự năm 2015, buộc bà Lê Thị T trả cho bà Phan Thị S số tiền 39.000.000 đồng (*Ba mươi chín triệu đồng*).

Về lãi suất: không yêu cầu, không giải quyết.

[3] Về án phí: Bà Lê Thị T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm sung vào công quỹ Nhà nước theo quy định của pháp luật;

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng khoản khoản 3 Điều 26; Điều 35; Điều 39; khoản 1 Điều 147; Điều 203; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228; Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Khoản 1 Điều 275; Điều 278; Điều 280; Điều 364; Điều 463; Điều 466 Bộ luật dân sự năm 2015;

Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án;

1. Tuyên xử: chấp nhận một phần nội dung khởi kiện của bà Phan Thị S. Bác yêu cầu khởi kiện đối với ông Nguyễn Trí T của nguyên đơn.

2. Buộc bà Lê Thị T có nghĩa vụ trả cho bà Phan Thị S số tiền gốc 39.000.000 đồng (ba mươi chín triệu đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật và từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 điều 357 Bộ luật dân sự năm 2015.

3. Về án phí:

Buộc bà Lê Thị T phải chịu [39.000.000 đồng x 5 %] = 1.950.000 đồng *(Một triệu chín trăm năm mươi ngàn đồng)* án phí dân sự sơ thẩm sung vào công quỹ Nhà nước. Hoàn lại cho bà Phan Thị S số tiền 1.223.625 đồng (*Một triệu hai trăm hai mươi ba ngàn sáu trăm hai mươi lăm đồng)* đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng phí, lệ phí Tòa án số 0000586 ngày 25/01/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Chư Pưh, tỉnh Gia Lai.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

4. Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm, đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ./.

Nơi nhận:
- *Đương sự;*
- *VKS nhân dân huyện Chư Pưh;*
- *Chi cục THA huyện Chư Pưh;*
- *Sở Tư pháp tỉnh Gia Lai;*
- *Lưu VT/hồ sơ vụ án.*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Văn Khương